

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 11-11-2019

“V/v tranh chấp về hôn nhân và gia
đình ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Viết Thanh.

Ông Nguyễn Văn Vệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ Hải – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

Ngày 11 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 314/2019/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 8 năm 2019, “V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 262/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Lâm Thị Thanh L, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Số 01A, đường T, Tổ 1, Khóm 2, Phường 1, thành phố L, tỉnh T.

Địa chỉ liên hệ: Căn tin phà Cao Lãnh, Phường 6, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Bùi Thanh T, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Số 01A, đường T, Tổ 1, Khóm 2, Phường 1, thành phố L, tỉnh T.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Lâm Thị Thanh L trình bày:

Quan hệ hôn nhân: Chị Lâm Thị Thanh L và anh Bùi Thanh T kết hôn với nhau vào năm 2001, có đăng ký kết hôn vào ngày 14/8/2001 tại Ủy ban nhân dân Phường 1, thành phố L, tỉnh T.

Trong thời gian chung sống chị L và anh T có nhiều mâu thuẫn. Vợ chồng thường xuyên cãi nhau về việc anh T đi nhậu, không quan tâm gia đình, không quan

tâm các con nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nhiều lần chị L và anh T đã cố gắng hàn gắn tình cảm để tìm tiếng nói chung và vì con chung nhưng không được.

Anh T thường xuyên nhậu với bạn bè, đến nơi làm việc của chị L quây, gây gỗ với nhiều người làm cho chị L phải di chuyển đến nhiều nơi để mua bán. Đám ma cha của chị L thì anh T đem rượu bia ra nơi hạ nguyệt cha chị L sử dụng dù người nhà chị L không đồng ý. Những lần đám giỗ bên nhà chị L thì anh T đều gây gỗ, quây, có lần đám giỗ cha chị L, anh chị em của chị L không muốn uống rượu, bia nhưng anh T tự đem rượu, bia ra sử dụng và gây gỗ. Các con của chị L muốn chị L ly hôn với anh T.

Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ khi cưới nhau cho đến nay. Thời gian chị L sinh con gái lớn thì anh T có đánh chị L. Đến khi sinh con trai được 02 tháng thì anh T có đánh chị L bầm tím mắt và chị L phản kháng lại nên chị L có lấy ổ khóa dính chìa khóa đập lên đầu anh T. Vợ chồng không còn sống chung với nhau từ giữa tháng 3 năm 2019 đến nay.

Từ khi chị L mang thai con gái lớn đến trước khi nộp đơn tại Tòa án thì anh T đi làm không đưa tiền chị L, chỉ đưa được một lần. Cho đến khi tháng 8 năm 2019, anh T nhận được thông báo của Tòa án thì anh T đưa cho chị L 4.000.000 đồng để cho con. Anh T đưa tiền cho chị L nhưng lấy lại tiền từ chị L còn nhiều hơn. Anh T bị tai nạn giao thông năm 2007 chị L đứng ra nuôi không bỏ anh T nhưng đến nay anh T vẫn không thay đổi.

Nếu anh T có sửa đổi thì để bản thân anh T được nhờ, chị L cũng không muốn sống chung với anh T nữa. Từ tháng 8 năm 2019, anh T nhận được thông báo của Tòa án thì anh T cũng không thay đổi. Mặc dù anh T cho con 4.000.000 đồng nhưng anh T than thở với nhiều người là không đủ tiền xài vì cho con. Anh T làm phương tiện (trên phà) tại Bến phà Đ nên làm việc theo ca, có ca 24 giờ, có ca 12 giờ nhưng làm một ngày nghỉ 01 ngày, thời gian nghỉ thì nhậu, không quan tâm chăm sóc vợ con.

Theo đơn khởi kiện, biên bản hòa giải ngày 12/9/2019, biên bản hòa giải ngày 11/10/2019 và tại phiên tòa chị Lâm Thị Thanh L cương quyết yêu cầu ly hôn với anh Bùi Thanh T.

Con chung: Chị Lâm Thị Thanh L và anh Bùi Thanh T có 02 con chung tên: Bùi Thị Tri T, sinh ngày 22/8/2002 và Bùi Thiện N, sinh ngày 05/01/2011. Hiện nay 02 con chung đang sống chung với chị L.

Khi ly hôn, chị Lâm Thị Thanh L yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi 02 con chung. Chị L không đồng ý anh T nuôi 02 con chung.

Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Bùi Thanh T trình bày:

Quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Thanh T và chị Lâm Thị Thanh L kết hôn với nhau vào năm 2001, có đăng ký kết hôn vào ngày 14/8/2001 tại Ủy ban nhân dân Phường 1, thành phố L, tỉnh T.

Cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn, mâu thuẫn về việc anh T thường xuyên nhậu nhiều, la rầy chửi bới vợ, không phụ cấp tiền cho vợ và con vì trước đây thu nhập của anh T là anh T tự quản lý, tự tiêu và cho con rất ít.

Vợ chồng có đánh lẫn nhau, anh T nhậu về có quơ tay quơ chân trúng chị L, chị L có đánh lại anh T. Sự việc này xảy ra cách đây 09 năm. Từ 09 năm trở lại đây thì không có đánh nhau nữa. Vợ chồng không còn sống chung với nhau từ giữa tháng 3 năm 2019 đến nay.

Anh T vẫn còn thương chị L. Anh T sẽ cố gắng thay đổi, sẽ quan tâm gia đình, chị L và các con nên anh T đưa ra cách khắc phục để hàn gắn tình cảm vợ chồng bằng cách:

- Không nhậu, không làm phiền vợ con, không nói nặng vợ con.
- Thu nhập 7.000.000 đồng/tháng thì đưa cho chị L 6.000.000 đồng và 1.000.000 đồng để anh T sử dụng.

Nay anh Bùi Thanh T không đồng ý ly hôn với chị Lâm Thị Thanh L.

Con chung: Chị Lâm Thị Thanh L và anh Bùi Thanh T có 02 con chung tên: Bùi Thị Tri T, sinh ngày 22/8/2002 và Bùi Thiện N, sinh ngày 05/01/2011. Hiện nay 02 con chung đang sống chung với chị L.

Anh T không đồng ý ly hôn. Trường hợp, Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh T yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi 02 con chung. Anh T không đồng ý chị L nuôi 02 con chung.

Tài sản chung và nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của chị Lâm Thị Thanh L và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con. Bị đơn Bùi Thanh T có địa chỉ cư trú tại Phường 1, thành phố L, tỉnh T nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] *Về nội dung:* Xét quan hệ hôn nhân của chị Lâm Thị Thanh L và anh Bùi Thanh T được xác lập vào năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 1, thành phố L, tỉnh T vào ngày 14/8/2001, nên quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Tại phiên tòa chị L cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh T, anh T không đồng ý ly hôn với chị L. Chị L cho rằng: Anh T thường xuyên say sỉ, đến nơi chị L làm việc gây gổ với nhiều người làm cho chị L phải thay đổi nơi làm việc, anh T có hành vi bạo lực đối với chị L, đồng thời từ khi Tòa án thụ lý vụ án và thông báo cho anh T biết việc chị L xin ly hôn với anh T cho đến nay, anh T vẫn không thay đổi.

Anh T cũng thừa nhận: Anh T thường xuyên nhậu, la rầy chửi bới vợ, không phụ cấp tiền cho vợ và con vì trước đây thu nhập của anh T là anh T tự quản lý, tự tiêu và cho con rất ít.

Hội đồng xét xử xét thấy, chị L và anh T đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn với nhau. Mặc dù, anh T đưa ra phương án để hàn gắn tình cảm vợ chồng là: Anh T sẽ không nhậu, không làm phiền chị L và các con, không nói nặng chị L và các con; thu nhập 7.000.000 đồng/tháng thì đưa cho chị L 6.000.000 đồng và 1.000.000 đồng để anh T sử dụng nhưng chị L không chấp nhận do không còn tình cảm vợ chồng với anh T và không thể chấp nhận tiếp tục sinh sống chung với anh T được nữa. Chị L và anh T đều thừa nhận vợ chồng không còn sống chung với nhau từ giữa tháng 3 năm 2019 đến nay.

Xét thấy, chị L và anh T có nhiều mâu thuẫn, mâu thuẫn kéo dài và ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L, chị Lâm Thị Thanh L được ly hôn với anh Bùi Thanh T là phù hợp theo Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] *Xét con chung*: Chị Lâm Thị Thanh L và anh Bùi Thanh T có 02 con chung tên: Bùi Thị Tri T, sinh ngày 22/8/2002 và Bùi Thiện N, sinh ngày 05/01/2011. Hiện nay 02 con chung đang sống chung với chị L. Chị L và anh T đều yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung. Hội đồng xét xử xét thấy:

Chị L và anh T đều thừa nhận 02 con chung đều sống chung với chị L và do chị L chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai con chung sống chung và gần gũi với chị L, đã sống với chị L ổn định thời gian dài và phát triển tốt về mọi mặt. Đồng thời, 02 con chung đều có nguyện vọng sống chung với chị L nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L: Tiếp tục giao 02 con chung tên Bùi Thị Tri T, sinh ngày 22/8/2002 và Bùi Thiện N, sinh ngày 05/01/2011 cho chị L trực tiếp nuôi là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] *Xét cấp dưỡng nuôi con chung*: Chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi 02 con chung, anh T không tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó theo quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] *Xét tài sản chung và nợ chung*: Chị L và anh T thống nhất không có tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Án phí*: Chị Lâm Thị Thanh L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án

phí và lệ phí Tòa án. Anh Bùi Thanh T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lâm Thị Thanh L, chị Lâm Thị Thanh L được ly hôn với anh Bùi Thanh T.

Con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Lâm Thị Thanh L. Tiếp tục giao 02 con chung tên Bùi Thị Tri T, sinh ngày 22/8/2002 và Bùi Thiện N, sinh ngày 05/01/2011 cho chị L trực tiếp nuôi. Hiện nay 02 con chung đang sống chung với chị L.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó theo quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có.

Án phí: Chị Lâm Thị Thanh L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005066 ngày 21/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Như vậy, chị Lâm Thị Thanh L đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Bùi Thanh T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Chi cục THA.DS TPCL;
- Ủy ban nhân dân Phường 1;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Liên